TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn

2. Bà Mai Thị Bỉ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Ú, sinh ngày 16/10/1979.

Căn cước công dân số: 080079010650, ngày cấp 09/8/2021.

Địa chỉ: số D, ấp Q, xã N, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: bà Võ Thị D, sinh ngày 10/12/1981.

Căn cước công dân số: 080181015463.

Địa chỉ: số D, ấp Q, xã N, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú trình bày:

Ông và bà Võ Thị Diệu C sống với nhau vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 05/11/2002.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay, ông nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà Võ Thị Diệu .

Về nuôi con chung: Ông và bà D có với nhau hai người con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm Tiên S ngày 28/10/2002 và Nguyễn Minh T sinh ngày 27/01/2008. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Minh T, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Cẩm T1 hiện đã trưởng thành, sống tự lập được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Bà Võ Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ú có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Diệu . Bà D cư trú tại xã N, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Ú, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông Ú có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố Tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ú và bà D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã N, tỉnh Tây Ninh) nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ú và bà D là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Ú và bà D đã phát sinh mâu thuẫn, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông Ú thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ú.

[3] Về nuôi con chung: Ông Ú và bà D có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên S ngày 28/10/2002 và Nguyễn Minh T sinh ngày 27/01/2008.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, ông Ú yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T. Tuy nhiên, đến ngày xét xử Minh T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Riêng con chung tên C, đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Ú và bà Võ Thị Diệu .

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Ú phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013725 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã N, tỉnh T;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TAND KHU VỰC 5

ZMW290126.TL.QDBA 225

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy